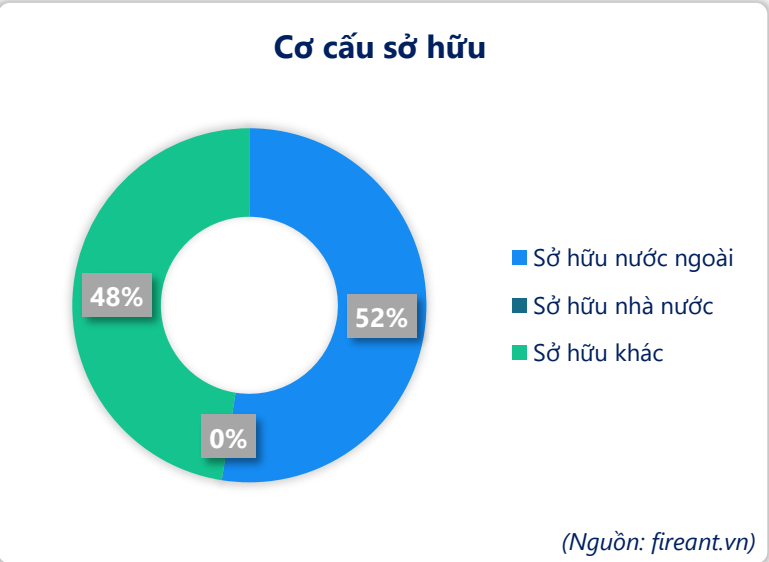
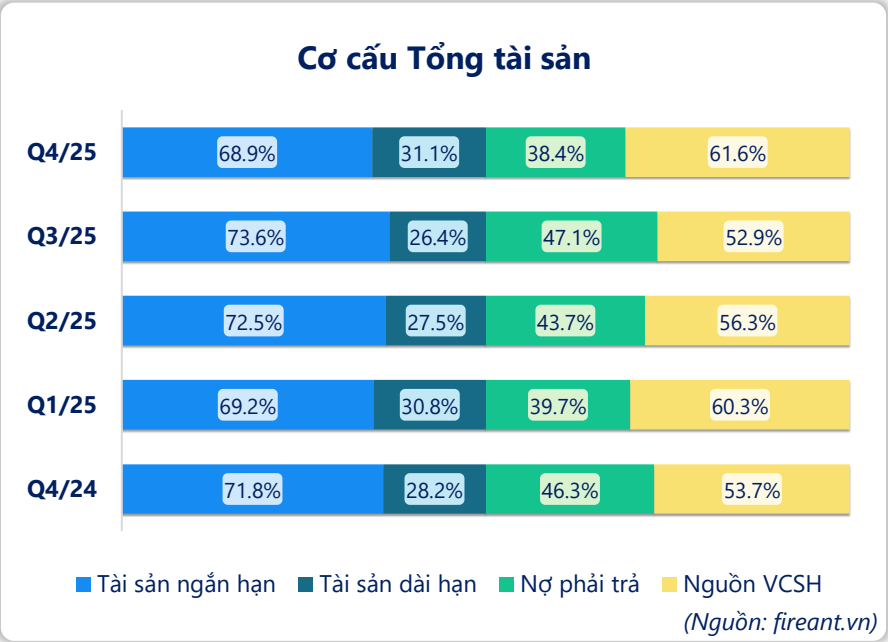
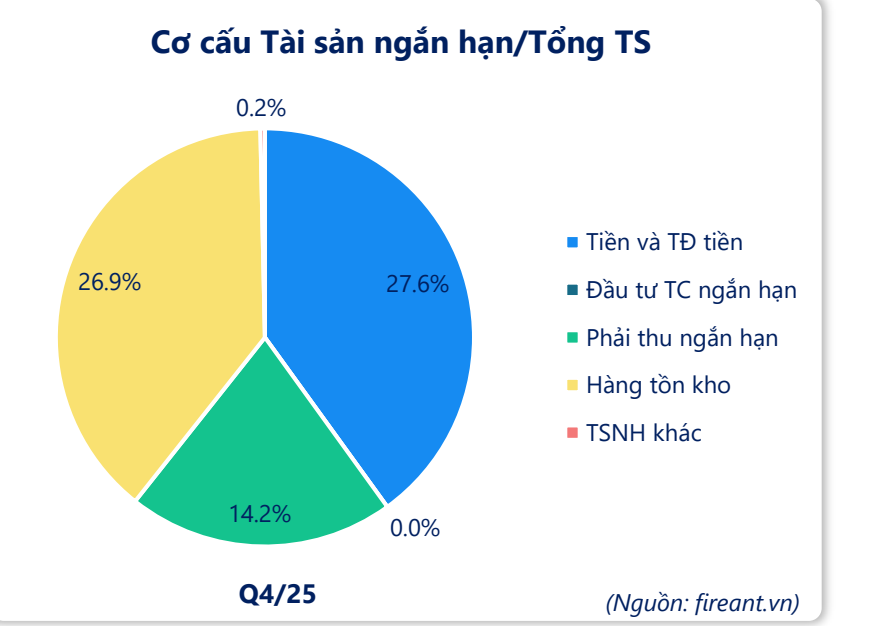
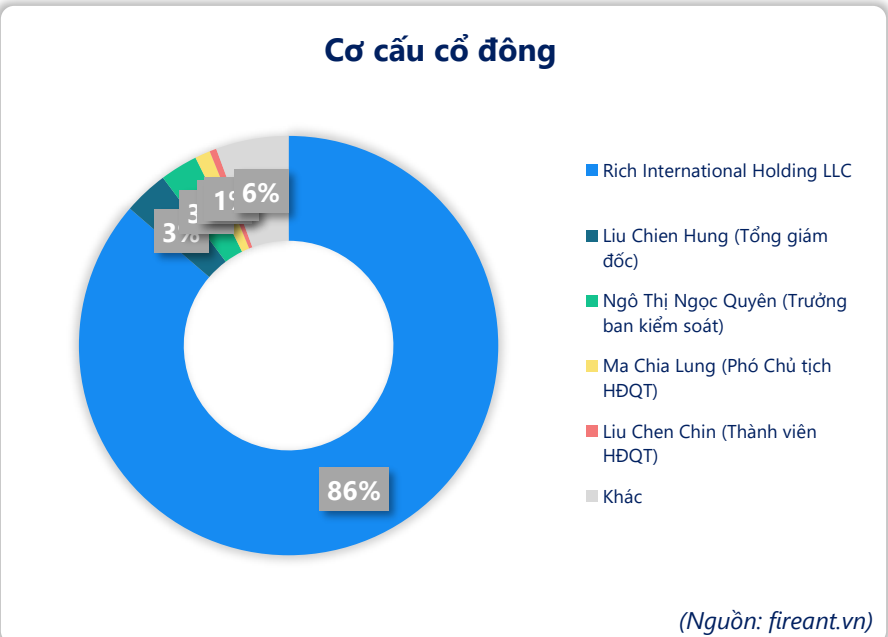
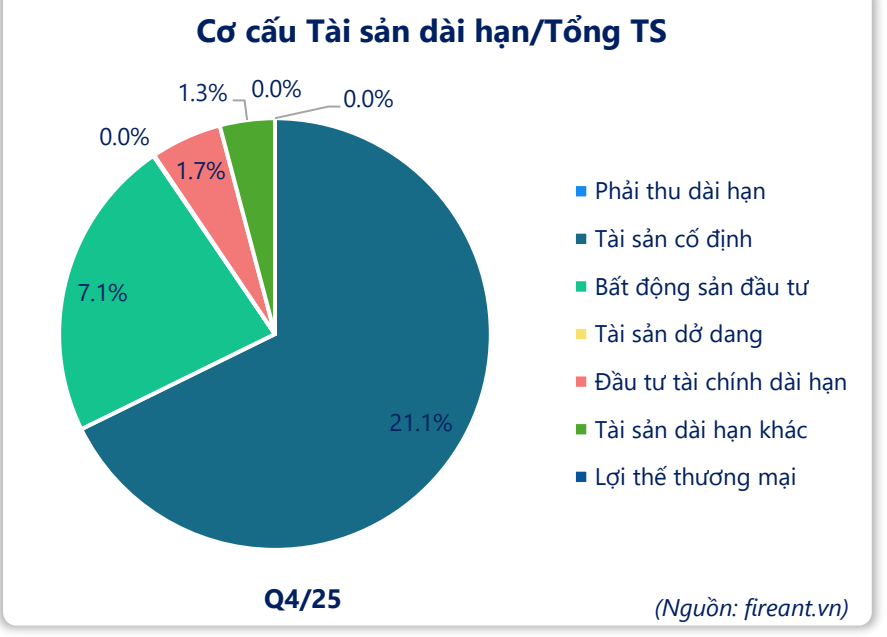
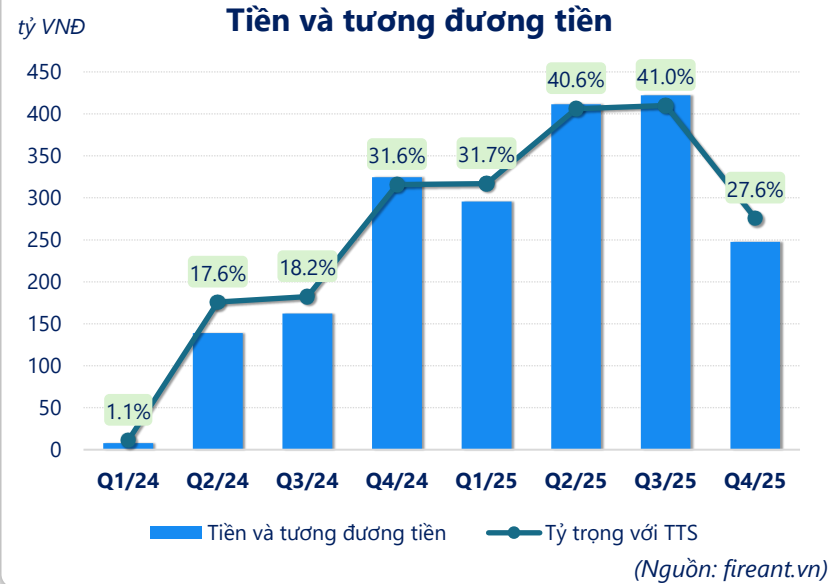
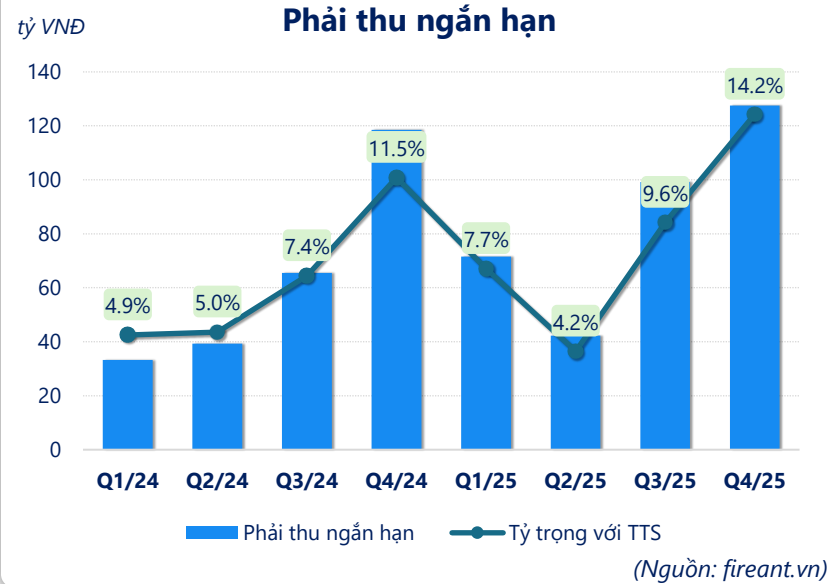
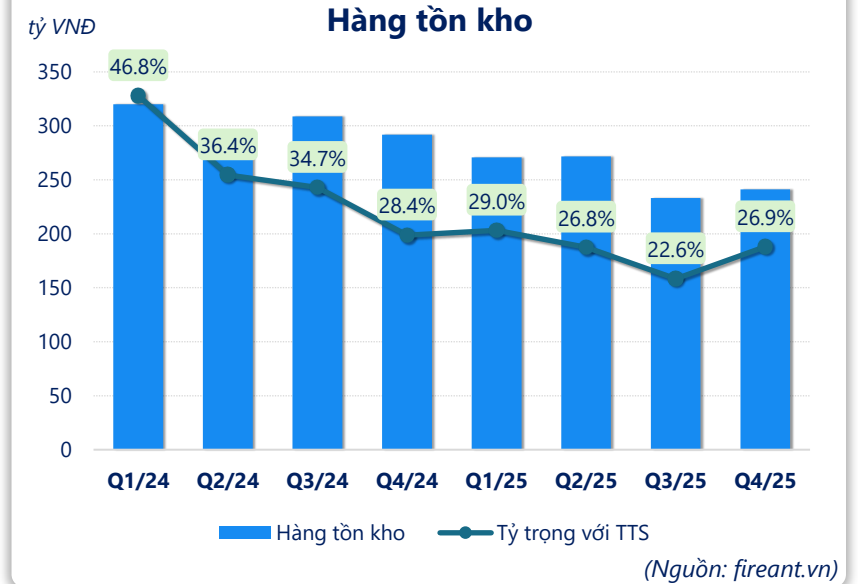
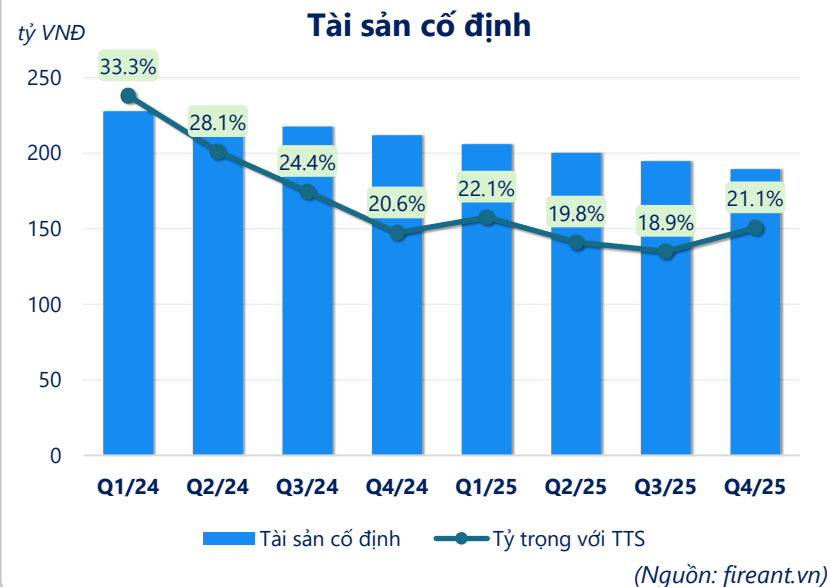
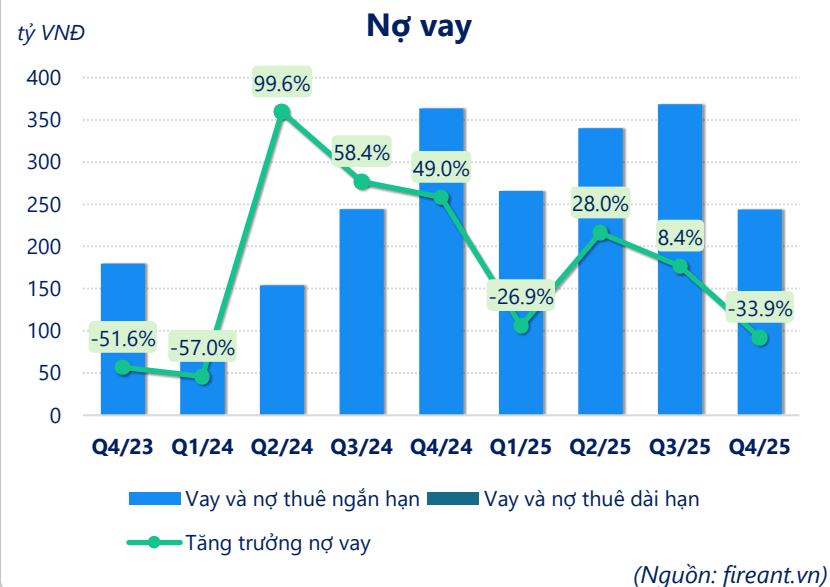
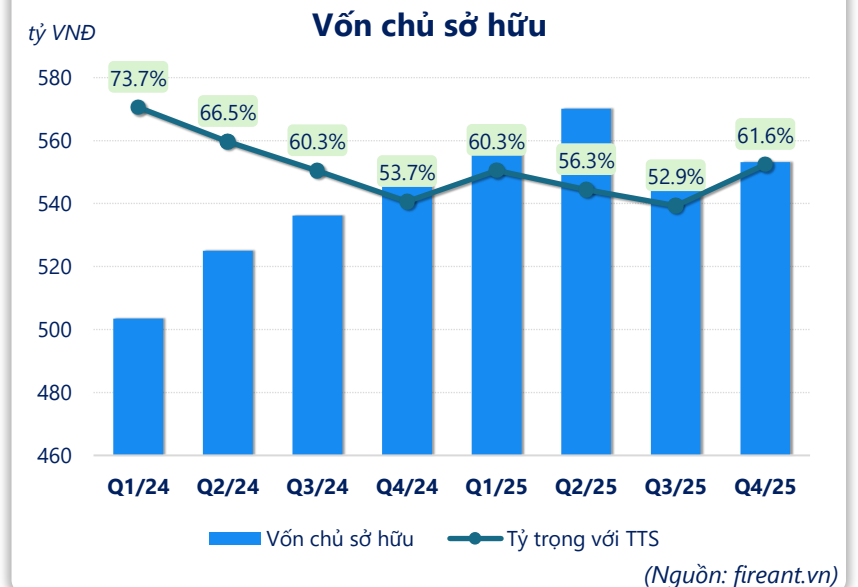
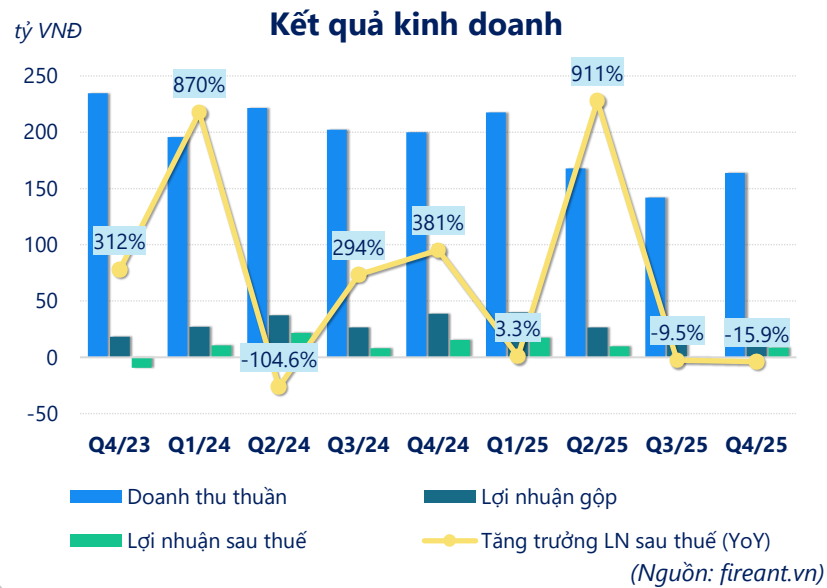
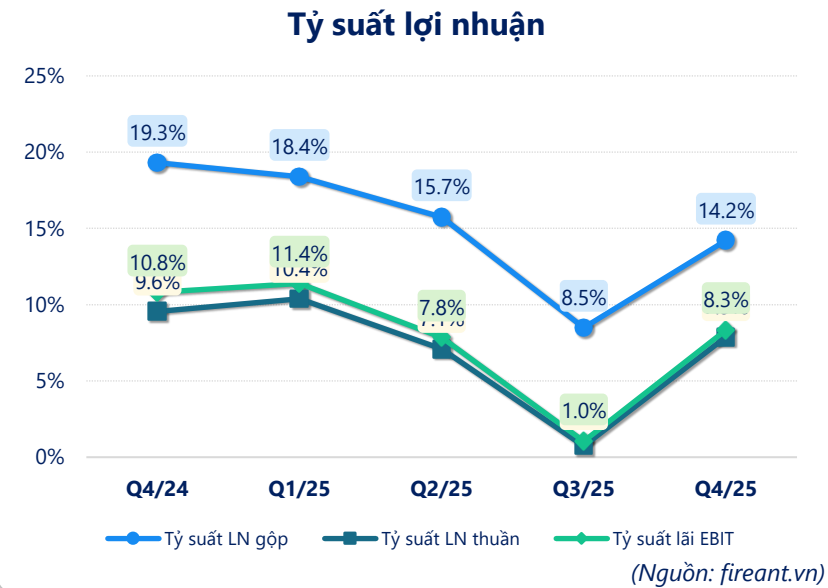
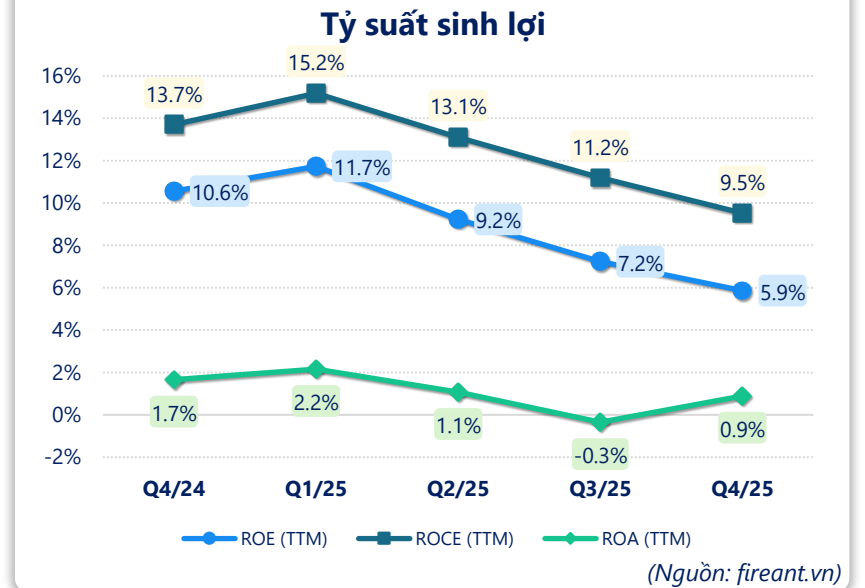
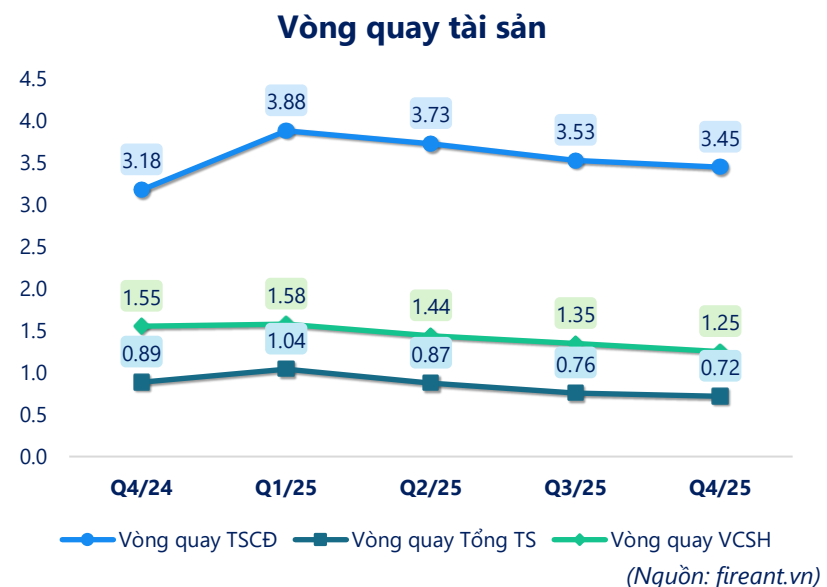
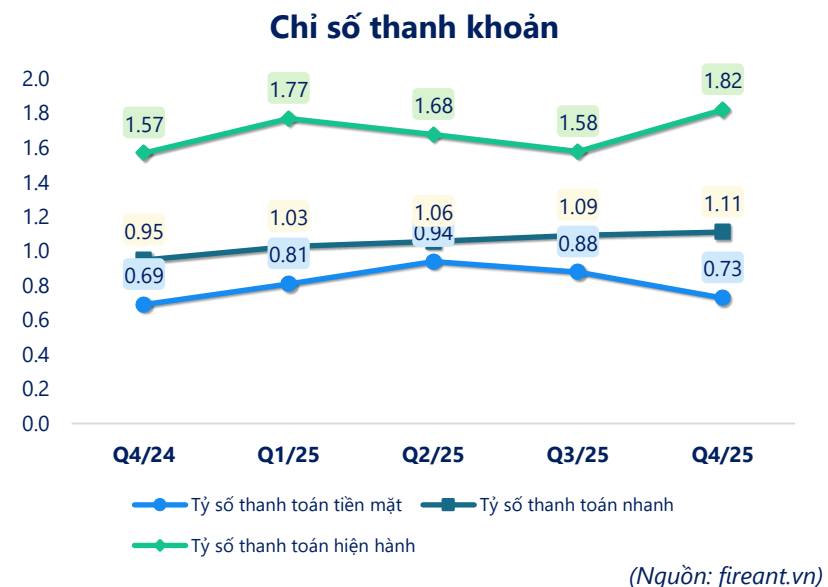
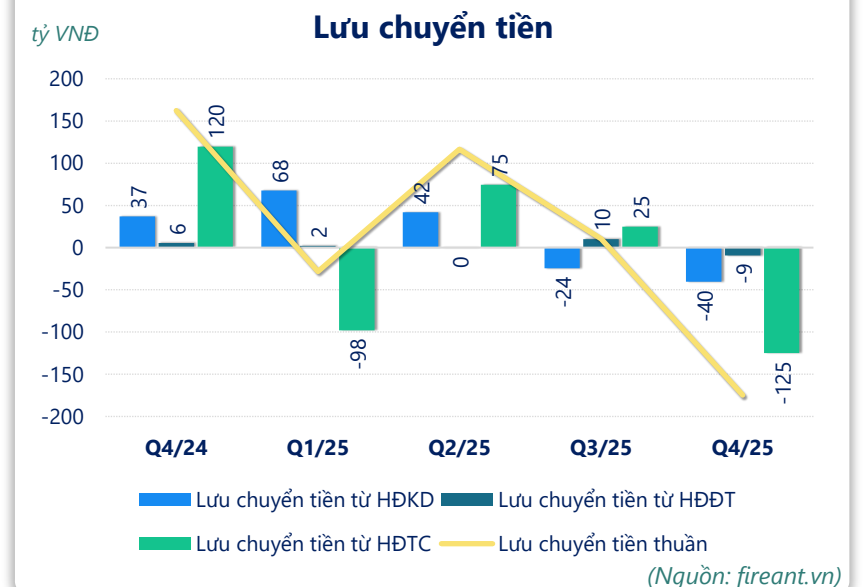


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		13,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		17,409
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		12,023
SL cổ phiếu LH		46,881,398
KLGD BQ 20 phiên (CP)		930
% sở hữu nước ngoài		52.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		633
P/E		19.5
EPS		691

	YTD	1T	3T	6T
TKU	-8.9%	1.5%	-0.7%	-3.9%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	898	1,077	-16.6%
Tài sản ngắn hạn	618	788	-21.5%
Tiền và tương đương tiền	248	324	-23.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	128	72.9	74.9%
Hàng tồn kho	241	388	-37.9%
Tài sản ngắn hạn khác	2.17	3.17	-31.6%
Tài sản dài hạn	279	289	-3.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	189	211	-10.5%
Bất động sản đầu tư	63.5	66.9	-5.0%
Tài sản dở dang	0.20	0.33	-40.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	14.9	0	
Tài sản dài hạn khác	11.5	10.6	8.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	345	531	-35.1%
Nợ ngắn hạn	340	526	-35.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	244	364	-33.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	19.5	69.6	-71.9%
Nợ dài hạn	5.03	5.03	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	553	546	1.4%
Vốn chủ sở hữu	553	546	1.4%
Vốn điều lệ	469	469	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	200	218	168	142	164
Giá vốn hàng bán	161	178	141	130	140
Lợi nhuận gộp	38.6	40.0	26.4	12.1	23.3
Doanh thu HĐTC	4.76	2.07	3.58	5.73	5.44
Chi phí TC	6.41	4.49	4.14	4.24	3.63
Chi phí lãi vay	3.04	3.25	2.82	2.46	2.27
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	7.84	4.03	4.36	2.54	1.76
Chi phí QLDN	10.0	11.0	9.56	9.95	10.4
LN thuần từ HĐKD	19.1	22.6	11.9	1.04	12.9
Lợi nhuận khác	-0.53	-1.07	-1.57	-2.02	-1.50
LN trước thuế	18.6	21.5	10.3	-0.98	11.4
Lợi nhuận sau thuế	15.3	17.4	9.66	-3.32	8.63
LNST của CĐ cty mẹ	15.3	17.4	9.66	-3.32	8.63

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	37.0	67.7	42.0	-24.4	-40.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	5.61	1.93	-0.18	10.1	-9.47
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	120	-97.8	74.6	24.6	-125
Tiền đầu kỳ	162	324	296	412	422
Lưu chuyển tiền thuần	162	-28.2	116	10.3	-175
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	-0.40	0.40	0
Tiền cuối kỳ	324	296	412	422	248

(Nguồn: fireant.vn)